

Số: 777 /CN-TCKT
V/v giải trình biến động lợi nhuận sau
thuế TNDN 6 tháng năm 2023 so với 6
tháng năm 2022 (số liệu soát xét).

Đồng Nai, ngày 23 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
2. Mã chứng khoán niêm yết: DNW

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai giải trình tình hình biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2023 giảm hơn 10% so với lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022	Chênh lệch	% Chênh lệch
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng (sau soát xét)	176.113.251.232	257.906.208.332	-81.792.957.100	-31,71%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC hợp nhất (sau soát xét)	185.390.267.385	266.729.735.104	-81.339.467.719	-30,50%

Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng:

1. Doanh thu và thu nhập khác 6 tháng năm 2023 đạt 589.222.522.856 đồng, giảm 84.308.901.209 đồng so với doanh thu và thu nhập khác cùng kỳ năm 2022 (đạt 673.531.424.065 đồng), tương ứng mức giảm là 12,52%.

Biến động các khoản doanh thu như sau:

	6 tháng năm nay	6 tháng năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Doanh thu bán hàng (cung cấp nước)	518.313.540.420	499.610.780.600	18.702.759.820	3,74%
Doanh thu cung cấp dịch vụ (lắp đặt)	15.493.594.083	21.487.818.307	-5.994.224.224	-27,90%
Doanh thu kinh doanh nước Doriv	1.609.048.400	1.455.703.206	153.345.194	10,53%
Doanh thu tài chính	50.894.435.487	148.319.325.308	-97.424.889.821	-65,69%
Thu nhập khác	2.911.904.466	2.657.796.644	254.107.822	9,56%
TỔNG CỘNG	589.222.522.856	673.531.424.065	-84.308.901.209	-12,52%

Nguyên nhân chủ yếu là khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ tại 30/06/2023:

	6 tháng năm nay	6 tháng năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ	33.036.257.035	137.106.107.943	-104.069.850.908	-75,90%

2. Tổng chi phí 6 tháng năm 2023 của Công ty đạt 403.593.818.665 đồng, so với cùng kỳ năm 2022 là 401.853.106.000 đồng tăng 1.740.712.665 đồng, tương ứng mức tăng là 0,43%.

Biến động các khoản chi phí như sau:

	6 tháng năm nay	6 tháng năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Giá vốn bán hàng (cung cấp nước)	314.878.756.019	311.306.354.501	3.572.401.518	1,15%
Giá vốn cung cấp dịch vụ (lắp đặt)	13.430.243.636	20.280.623.576	-6.850.379.940	-33,78%
Giá vốn kinh doanh nước Doriv	1.187.490.966	1.080.862.540	106.628.426	9,87%
Chi phí tài chính	18.765.985.292	18.829.010.313	-63.025.021	-0,33%
Chi phí bán hàng	29.723.107.036	26.327.720.586	3.395.386.450	12,90%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.550.479.315	22.952.651.504	1.597.827.811	6,96%
Chi phí khác	1.057.756.401	1.075.882.980	-18.126.579	-1,68%
TỔNG CỘNG	403.593.818.665	401.853.106.000	1.740.712.665	0,43%

Tổng hợp các ảnh hưởng trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2023 giảm 81.792.957.100 đồng so với cùng kỳ năm 2022, tương ứng mức giảm 31,71%.

Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC hợp nhất:

1. Tổng doanh thu và thu nhập khác 6 tháng năm 2023 của công ty mẹ và các công ty con đạt 656.019.908.592 đồng, giảm 93.473.030.666 đồng so với doanh thu và thu nhập khác cùng kỳ năm 2022 (đạt 749.492.939.258 đồng), tương ứng mức giảm là 12,47%.

Biến động các khoản doanh thu như sau:

	6 tháng năm nay	6 tháng năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	600.709.380.937	597.574.352.068	3.135.028.869	0,52%
Doanh thu tài chính	51.862.640.561	148.883.444.523	-97.020.803.962	-65,17%
Thu nhập khác	3.447.887.094	3.035.142.667	412.744.427	13,60%
TỔNG CỘNG	656.019.908.592	749.492.939.258	-93.473.030.666	-12,47%

Nguyên nhân chủ yếu là khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ tại 30/06/2023:

	6 tháng năm nay	6 tháng năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ	33.036.257.035	137.106.107.943	-104.069.850.908	-75,90%

2. Tổng chi phí 6 tháng năm 2023 của công ty mẹ và các công ty con đạt 460.493.595.289 đồng, so với cùng kỳ năm 2022 là 464.355.038.824 đồng giảm 3.861.443.535 đồng, tương ứng mức giảm là 0,83%.

Biến động các khoản chi phí như sau:

	6 tháng năm nay	6 tháng năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Giá vốn bán hàng	374.439.107.401	380.342.600.063	-5.903.492.662	-1,55%
Chi phí tài chính	18.765.985.292	18.829.010.313	-63.025.021	-0,33%
Chi phí bán hàng	33.918.544.187	31.361.992.263	2.556.551.924	8,15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.827.725.966	31.867.982.149	-40.256.183	-0,13%
Chi phí khác	1.542.232.443	1.953.454.036	-411.221.593	-21,05%
TỔNG CỘNG	460.493.595.289	464.355.038.824	-3.861.443.535	-0,83%

Tổng hợp các ảnh hưởng trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng năm 2023 giảm 81.339.467.719 đồng so với cùng kỳ năm 2022, tương ứng mức giảm 30,50%.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- Ban Kiểm soát;
- Ban KTNB;
- Phòng TCKT;
- Lưu VT.TCKT



Phạm Thị Hồng